TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-PT
Ngày 17-02-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Bích N, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Số 45/43/18, đường N1, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Số 388 ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quang T, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Số 388 ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2020 của bà Lê Bích N và cùng những lời trình bày như sau:

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2019, bà Phan Thị K, sinh năm 1969 có vay của bà N số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) để mua xe nhãn hiệu TOYOTA loại xe INNOVA 7 chổ, biển kiểm soát 62A - 15765 để làm dịch vụ vận tải, bà K hứa trong vòng 06 tháng sẽ trả lại cho bà N cả vốn và lãi (hai bên thỏa thuận tiền lãi là 2% tháng). Đến ngày 09 tháng 01 năm 2020 bà K đến vay thêm của bà N 100.000.000 đồng (một trăm triệu), thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX867985 tên Trần Quang T, sinh năm 1965 là chồng của bà K. Bà K hứa trả tiền gốc và lãi cho bà N vào ngày 01 tháng 5 năm 2020 nhưng đến hẹn bà K không muốn trả tiền nói không nợ tiền và sẽ làm lại bản phụ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà N yêu cầu bà K trả số số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 đến ngày 09 tháng 01 năm 2020 là 31.700.000 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn). Tổng số tiền yêu cầu trả, gốc và lãi là 831.700.000 đồng (tám trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn); yêu cầu tính lãi suất 2% /01 tháng từ ngày 09 tháng 01 năm 2020 trên số tiền 831.700.000 đồng (tám trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn) cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà K có lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 5 năm 2021 như sau:

Vào cuối năm 2017 bà K có mượn bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà N tính tiền lãi là 30.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 tháng. Do bà N tính lãi suất cao nên bà K chưa trả tiền lãi. Bà K xác định có viết tên và ký tên vào 02 tờ giấy đánh máy có nội dung "*giấy thế chấp đề ngày 09 tháng 01 năm 2020 với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và giấy mượn tiền ngày 09 tháng 01 năm 2020, số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng*)"; tuy nhiên bà K chỉ thừa nhận nợ bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà là ông T đứng tên, sự việc này có bà L (là bạn bà N) làm chứng. Riêng giấy mượn số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) thì bà K xác định không có mượn nhưng do bà N đưa nhiều giấy cho bà ký, bà không đọc nội dung nhưng đều ký tên, ngoài ký 02 giấy nhận nợ như trên thì bà K còn ký 02 giấy khác không nhớ nội dung.

Bà K đồng ý trả cho bà N số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi suất là 2% 01 tháng tính từ ngày 09 tháng 01 năm 2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ô*ng *Trần Quang T trình bày:* Vào khoảng năm 2016 vợ chồng ông có biết bà N nhưng không biết việc bà N cho bà K mượn tiền. Đến cuối năm 2019, đầu năm 2020, bà N có nói với ông về việc

cho bà K mượn 800.000.000 đồng (tám trăm triệu), sau đó có đưa cho ông xem 02 tờ giấy pho to mượn tiền do bà K ký nhận và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, khi đó ông có nói không biết về số tiền nợ này, không nghe bà K nói. Bà K lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để thế chấp vay tiền khi nào ông hoàn toàn không biết. Nay ông yêu cầu bà N trả cho ông 01 giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N yêu cầu bà K trả tiền gốc và tiền lãi vay.

Buộc bà K trả cho bà N số tiền 946.743.999 đồng (chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm chín mươi chín đồng). Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu) và tiền lãi là 146.743.999 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà N trả cho bà K và ông Tiết 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số BX867985 tên Trần Quang T, sinh năm 1965, địa chỉ ấp Long Giêng, xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đứng tên thửa đất 5284, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.369m^2, loại đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 04 tháng 12 năm 2014, có lập trang bổ sung số 01.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K phải chịu 40.402.319 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng).

Trả lại cho bà N 18.620.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo phiếu thu số 0002908 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, bà K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), bà K chỉ nợ và đồng ý trả cho bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà N trình bày: Yêu cầu bà K trả số tiền vay 02 lần theo 02 biên nhận nợ đã ký nhận là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi 2%/tháng tính từ ngày 09 tháng 01 năm 2020. Xác định có việc bà K có ký vào 04 tờ giấy nhận nợ, bà giữ 02 tờ, bà K giữ 02 tờ. Đối với giấy nhận nợ 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) ký ngày 09 tháng 01 năm 2020 bản chất là số tiền bà K mượn ngày 01 tháng 11 năm 2019, sau đó đến ngày 07 tháng 01 năm 2020 bà K ghi giấy nhận nợ, do nội dung bà K ghi không đúng (số tiền bảy trăm triệu đồng nhưng ghi là 7.000.000 đồng) nên bà có đánh máy để bà K ký lại cùng ngày 09 tháng 01 năm 2020 mượn số tiền 100.000.000 đồng. Không có việc bà yêu cầu bà K ký vào lúc giữa đêm khuya như trình bày.

Bị đơn bà K trình bày: Bà N đưa cho bà rất nhiều biên nhận để ký, do ký vào giữa đêm khuya nên bà không xem nội dung. Lúc đầu bà chỉ vay bà N từ 5 đến 7 triệu đồng nhưng bà N cứ yêu cầu bà nhiều lần ký lại biên nhận nợ. Bà xác định không có việc vay 700.000.000 đồng để mua xe ôtô, xe là của con rể. Bà chỉ đồng ý trả cho bà N 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo biên nhận nợ ngày 09 tháng 01 năm 2020.

Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì khác sau khi kháng cáo.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp là giấy mượn tiền, giấy thế chấp đề ngày 09 tháng 01 năm 2020 và giấy vay tiền đề ngày 07 tháng 01 năm 2020 thể hiện bà N cho bà K vay hai lần, tổng số tiền cho vay là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), đều có chữ ký, chữ viết của bà K và bà K thừa nhận có viết và ký tên mà không xem nội dung, bà K không bị đe dọa hay ép buộc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà K trả số tiền vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) cho bà N là phù hợp.

Về lãi suất, giấy mượn tiền không thể hiện nội dung về lãi suất, tuy nhiên các bên thừa nhận vay có lãi nhưng không xác định thống nhất về lãi suất và có tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

dân sự năm 2015 buộc bà K trả cho bà N tiền lãi trong thời gian 22 tháng 03 ngày số tiền 146.743.999 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là phù hợp.

Việc bà N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của ông Tiết là không đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tiết là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, kháng cáo của bà K không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà K hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà K thấy rằng: Ngày 09 tháng 01 năm 2020 bà K ký nhận biên nhận nợ nội dung là mượn bà N số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), thời hạn mượn tiền là 06 tháng, tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020, không ghi mục đích mượn. Cùng ngày 09 tháng 01 năm 2020 bà K ký nhận biên nhận nợ nội dung là mượn bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không ghi thời hạn trả và mục đích mượn tiền; đồng thời có nội dung thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của chồng bà tên Trần Quang T.

[3.1] Bà K thừa nhận 02 biên nhận nợ đều do bà ký tên, riêng biên nhận ngày 07 tháng 01 năm 2020 do bà viết tay sau đó bà N có đánh máy lại ghi ngày 09 tháng 01 năm 2020 (cùng ngày bà K mượn bà N 100.000.000 đồng). Xét về hình thức thì biên nhận mượn số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) ngày 07 tháng 01 năm 2020 do bà K viết tay và sau đó bà N đánh máy để bà K ký lại ngày 09 tháng 01 năm 2020 thì vẫn ghi thời hạn mượn là ngày 01 tháng 11 năm 2019 đến ngày 01 tháng 05 năm 2020, có người làm chứng là bà Đỗ Thị Kim Liên. Như vậy, biên nhận nợ 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) bà K ký 02 lần nhưng bà K cho rằng chỉ ký tên mà không biết nội dung thì không mang tính thuyết phục. Mặt khác, thời hạn mượn tiền của biên nhận do bà N đánh máy và biên nhận do bà K viết tay là hoàn toàn phù hợp nhau, nội dung của 02 biên nhận không khác nhau. Bà K xác định biên nhận nợ do bà viết và ký tên, bà K không thuộc trường hợp bị hạn chế năng lực hành vi hay bị đe dọa và ép buộc khi viết và ký tên vào giấy nhận nợ. Bà K cũng không có căn cứ chứng minh cho việc mình không có nợ bà N số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) nên cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận nợ buộc bà K trả cho bà N số tiền 800.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Về lãi suất, giấy mượn tiền không thể hiện nội dung về lãi suất, tuy nhiên các bên thừa nhận vay có lãi nhưng không xác định thống nhất về lãi suất và có tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà K trả cho bà N tiền lãi trong thời gian 22 tháng 03 ngày số tiền 146.743.999 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là phù hợp.

[3.3] Việc bà N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của ông Tiết là không đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là phù hợp.

[4] Từ nhận định mục [3], bác toàn bộ kháng cáo của bà K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 46/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc; Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà K phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Phan Thị K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bích N yêu cầu bà Phan Thị K trả tiền gốc và lãi vay còn nợ.

Buộc bà Phan Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Bích N số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và nợ tiền lãi là 146.743.999 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 946.743.999 đồng (chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà Lê Bích N trả cho bà Phan Thị K và ông Trần Quang T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số BX867985 do ông Trần Quang T, sinh năm 1965, địa chỉ ấp Long Giêng, xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đứng tên thửa đất 5284, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.369m^2, loại đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 04/12/2014, có lập trang bổ sung số 01.

Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị K phải chịu 40.402.319 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười chín đồng).

Trả cho bà Lê Bích N 18.620.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0002908 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Phan Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị K đã nộp theo biên lai thu số 0012678 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (bà Phan Thị K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền